

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 558/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 - 2024

Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Anh Đoan
- Ông Lê Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: số D, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: đường số C, lộ H, Công ty H1 - Khu Công nghiệp L, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0927.161.452;

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Phát Đ, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: số D, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0362.874.154;

(chị N xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Phát Đ sau thời gian quen biết và tìm hiểu, đến năm 2015 thì sống chung như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 31 tháng 01 năm 2019. Thời gian đầu sống chung với gia đình anh Đ, năm 2018 vợ chồng đến tỉnh Bình Dương cùng đi làm thuê để sinh sống, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì anh Đ ham chơi, lười lao động nên thu nhập không ổn định, anh Đ không chăm lo cho con, không có trách nhiệm với vợ con, mỗi lần chị khuyên ngăn thì anh Đ đập phá đồ đạc trong nhà, bạo lực đánh chị, từ đó cuộc sống và sinh hoạt của vợ chồng cũng không có sự hòa hợp, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trong cuộc sống ngày càng nhiều, không thể hàn gắn và ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Quá trình ly thân anh Đ tính tình vẫn hung hăng mỗi khi gặp chị, anh Đ không cấp dưỡng cho con, cũng không có trách nhiệm với gia đình nên chị không muốn tiếp tục hàn gắn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phát Đ.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 08/12/2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 09/9/2019, cháu T sống bên gia đình anh Đ tại tỉnh Bình Dương nhưng chị không rõ địa chỉ cụ thể, cháu H đang do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị đồng ý để cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không, không yêu cầu giải quyết.

- Anh Nguyễn Phát Đ vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh Đ vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, anh Đ cũng được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị N có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh Đ, chị N theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị sau thời gian quen biết và tìm hiểu, đến năm 2015 thì sống chung như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sống chung với gia đình anh Đ, đến năm 2018 vợ chồng đến tỉnh Bình Dương cùng đi làm thuê sinh sống, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì anh Đ ham chơi, lười lao động nên thu nhập không ổn định, anh Đ không chăm lo cho con, không có trách nhiệm với vợ con, mỗi lần chị khuyên ngăn thì anh Đ đập phá đồ đạc trong nhà, bạo lực đánh chị, từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn nên ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Quá trình ly thân anh Đ không thay đổi, anh Đ

không cấp dưỡng quan tâm đến con, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **Đ** là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của ông **Lê Hồng P**, sinh năm 1967 (cha ruột chị **N**), đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Anh T**, sinh ngày 08/12/2015 và **Nguyễn Đức H**, sinh ngày 09/9/2019, cháu **T** sống bên gia đình anh **Đ** tại tỉnh Bình Dương, cháu **H** đang do chị **N** nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **H**, chị đồng ý để cháu **T** cho anh **Đ** nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng cho con. Nhận thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên cháu **H** cũng được chị **N** nuôi dưỡng chăm sóc cũng đảm bảo, riêng cháu **Nguyễn Thị Anh T** đang do anh **Đ** cùng gia đình anh nuôi dưỡng ổn định nhưng hiện tại anh **Đ** và cháu **T** không sinh sống tại **ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** (theo kết quả xác minh ngày 24/4/2024 của **Công an xã P, huyện P, tỉnh An Giang**) nên Tòa án không thể ghi nhận nguyện vọng của cháu **T**, tuy nhiên chị **N** cũng thống nhất tiếp tục giao cháu **T** cho anh **Đ** nuôi dưỡng, để ổn định cho cuộc sống nên tiếp tục giao cháu **T** cho anh **Đ** nuôi dưỡng phù hợp với điều kiện của từng bên, hai bên không phải cấp dưỡng cho con, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết
Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị **Lê Thị Mỹ N** yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh **Nguyễn Phát Đ** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ hai để nghe xét xử, nhưng anh **Đ** vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh **Đ** vẫn đăng ký thường trú tại **ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** (theo kết quả xác minh ngày 24/4/2024 của **Công an xã P, huyện P, tỉnh An Giang**) nên chị **N** khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị **N** xin ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị sau thời gian quen biết và tìm hiểu, đến năm 2015 thì sống chung như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang**. Thời gian đầu sống chung với gia đình anh **Đ**, đến năm 2018 vợ chồng

đến tỉnh Bình Dương cùng đi làm thuê sinh sống, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ham chơi, lười lao động nên thu nhập không ổn định, anh Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, khi chị N khuyên ngăn thì anh Đ đập phá đồ đạc trong nhà, bạo lực với chị N, từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng gay gắt nên ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Quá trình ly thân anh Đ không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của ông Lê Hồng P, sinh năm 1967 (cha ruột chị N), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử cho anh, chị ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 08/12/2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 09/9/2019, cháu T sống bên gia đình anh Đ tại tỉnh Bình Dương, cháu H đang do chị N nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị đồng ý để cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên cháu H cũng được chị N nuôi dưỡng chăm sóc cũng đảm bảo, riêng cháu Nguyễn Thị Anh T đang do anh Đ cùng gia đình anh nuôi dưỡng ổn định nhưng hiện tại anh Đ và cháu T không sinh sống tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (theo kết quả xác minh ngày 24/4/2024 của Công an xã P, huyện P, tỉnh An Giang) nên Tòa án không thể ghi nhận nguyện vọng của cháu T, tuy nhiên chị N cũng thống nhất tiếp tục giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, để ổn định cho cuộc sống, nên tiếp tục giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng phù hợp với điều kiện của từng bên, hai bên không phải cấp dưỡng cho con cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận chị N khai không có nợ chung nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Đ và chị N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: chị Lê Thị Mỹ N là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Lê Thị Mỹ N** đối với anh **Nguyễn Phát Đ**.

- Về hôn nhân: chị **Lê Thị Mỹ N** được ly hôn với anh **Nguyễn Phát Đ**.

- Về con chung:

+ Giao cháu **Nguyễn Đức H**, sinh ngày 09/9/2019 cho chị **Lê Thị Mỹ N** tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được;

+ Giao cháu **Nguyễn Thị Anh T**, sinh ngày 08/12/2015 cho anh **Nguyễn Phát Đ** tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được;

+ Chị **Lê Thị Mỹ N** và anh **Nguyễn Phát Đ** không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị **Lê Thị Mỹ N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006764 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh **Nguyễn Phát Đ** không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Anh Đ1 – L

Bùi Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã Phú Bình, huyện PT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Chiến**